

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PH
TỈNH HẬU GIANG

Bản án số: 199/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 11 - 2024

V/v “Ly hôn & Tranh chấp về
cấp dưỡng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thế Tự;
- Ông Phan Công Điện.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 596/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn & Tranh chấp về cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2024/QĐXXST-HN, ngày 30 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Cao Thị N**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp B, xã PH, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở: ấp K, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Chí T**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp B, xã PH, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có mặt. Tại phiên tòa các đương sự xác định Cao Thị N hiện nay đăng ký thường trú tại ấp B, xã PH, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Cao Thị N (Sau đây gọi chị N) trình bày:

Giữa chị và bị đơn Nguyễn Chí T (Sau đây gọi anh T) qua tìm hiểu nhau mà tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên N do do vợ chồng bất đồng

quan điểm sống nên hay cãi vã nhau, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, nhiều lần hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không đoàn tụ được nên đã sống ly thân từ đầu năm 2024, do sống không hạnh phúc nên chị N khởi kiện yêu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Có hai người con chung tên:

1. Nguyễn Thị Mộng Tr (Nữ), sinh ngày 15 tháng 4 năm 2010;
2. Cao Ngọc Đ (Nam), sinh ngày 13 tháng 01 năm 2012.

Hiện nay các con chung đều sống với chồng chị. Nay ly hôn chị đồng ý để chồng nuôi cả hai người con, chị tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng/hai cháu. Tại phiên tòa, chị N đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/hai cháu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có vay chương tình nước sạch 30.000.000 đồng. Giữa chị và anh T thỏa thuận được vấn đề này là chị có trách nhiệm giao lại anh T 15.000.000 đồng để anh T trả nợ, đề nghị ghi nhận vào Bản án, quyết định của Tòa án. Phần còn lại thì anh T tự trả.

Quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn Chí T có lời trình bày:

Thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung và thời gian ly thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, vợ anh tự ý bỏ nhà đi mà anh không rõ lý do. Do còn thương vợ nên anh chưa đồng ý ly hôn.

Nếu phải ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi hai người con chung, yêu cầu vợ anh cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 cháu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có vay chương tình nước sạch 30.000.000 đồng. Giữa anh và vợ anh thỏa thuận được vấn đề này là vợ anh có trách nhiệm giao lại anh T 15.000.000 đồng để anh T trả nợ, đề nghị ghi nhận vào Bản án, quyết định của Tòa án. Phần còn lại thì anh T tự trả.

Tại các bản tự khai ngày 28 tháng 10 năm 2024 các cháu Nguyễn Thị Mộng Trang và cháu Cao Ngọc Được trình bày (Có sự chứng kiến của chị N và anh T): Khi cha mẹ cháu ly hôn, các cháu có nguyện vọng được sống với cha.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung

giao cả hai người con cho bị đơn nuôi, nguyên đơn phải cấp dưỡng mỗi tháng. Về nợ: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa các đương sự. Về tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Ly hôn và Tranh chấp về cấp dưỡng được quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân, đến ngày 15 tháng 7 năm 2022 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện PH, tỉnh Hậu Giang, nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N: Chị và anh T trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống mà không có giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà đã chọn cách sống ly thân; xét thời gian ly thân thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T chưa đồng ý ly hôn, có đưa ra giải pháp để đoàn tụ nhưng không được chị N đồng ý. Mặc dù đã được Tòa án hòa giải để các bên đoàn tụ nhưng tại phiên tòa chị N xác định là chung sống với anh T không hạnh phúc và cương quyết yêu cầu xin ly hôn. Từ đó thấy rằng hôn nhân giữa hai người đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[4] Về con chung: Có hai người con chung, anh chị không tranh chấp về quyền nuôi con. Xét hai người con chung là do anh T nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay, anh T cũng có yêu cầu được nuôi hai con chung, yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của hai người con chung là được sống với anh T. Nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của các cháu, cần tiếp tục tục giao cả hai người con cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp và nuôi dưỡng con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị N, anh T có yêu cầu khác.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Tại phiên tòa, anh chị thống nhất về mức cấp dưỡng: Chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai người con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Tức mỗi cháu 1.000.000 đồng/01 tháng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị N mà không ai có quyền cản trở.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Các đương sự đã thỏa thuận là chị N có nghĩa vụ giao trả cho anh T 15.000.000 đồng tiền nợ và đề nghị ghi nhận vào bản án, quyết định của Tòa án. Sự thỏa thuận của các đương sự không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Về án phí chia nợ chung: Do các đương sự đã thỏa thuận trước khi Tòa án tiến hành hòa giải và đề nghị ghi nhận vào bản án, quyết định của Tòa án. Theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội thì đương sự không phải chịu án phí.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 và khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Cao Thị N và Nguyễn Chí T.

2. Về nuôi con chung: Giao các cháu Nguyễn Thị Mộng Trang (Nữ), sinh ngày 15 tháng 4 năm 2010 và cháu Cao Ngọc Được (Nam), sinh ngày 13 tháng 01 năm 2012 cho Nguyễn Chí T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị N, anh T có yêu cầu khác.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc Cao Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho Nguyễn Chí T tiền nuôi hai người con chung mỗi tháng là 2.000.000đ (Hai triệu

đồng). Tức là mỗi cháu 1.000.000đ (Một triệu đồng)/01 tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 29 tháng 11 năm 2024) cho đến khi các cháu Nguyễn Thị Mộng Trang và cháu Cao Ngọc Được lần lượt đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho Cao Thị N mà không ai có quyền cản trở.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

5. Về nợ chung: Cao Thị N có nghĩa vụ giao trả lại Nguyễn Chí T 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Thời gian trả nợ do Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Cao Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007178, ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không phải nộp thêm.

7. Về án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng: Cao Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND xã PH,
- h.PH, t.Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Liêm

